TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLIEKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 278/2017/QĐST-HNGĐ	*Pleiku, ngày 20 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 159/2017/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Hồng N, sinh năm 1979

Địa chỉ: 59/2 Kim Đồng, phường Đống Đa, thành phố P, Gia Lai.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1969

Địa chỉ: 59/2 Kim Đồng, phường Đống Đa, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Hồng N và anh Nguyễn Văn L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

* Chị Trần Hồng N và anh Nguyễn Văn L có ba con chung gồm: Nguyễn Văn Th, sinh ngày 01-3-2001; Nguyễn Văn Th D, sinh ngày 20-5-2008 và Nguyễn Th D T, sinh ngày 09-5-2015.

Ly hôn, chị N và anh L thỏa thuận:

Giao ba con chung cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình (Cháu Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Th D có nguyện vọng được ở với chị Trần Hồng N).

* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N và anh L thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con chung như sau:

Anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Văn Th mỗi tháng 600.000 đồng; cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Văn Th D mỗi tháng 700.000 đồng; cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Th D T mỗi tháng 700.000 đồng; việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 7 năm 2017 cho đến khi con thành niên có khả năng lao động và có khả năng tự lập được hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị N và anh L thống nhất tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2.3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng chị Trần Hồng N tự nguyện chịu toàn bộ án phí; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0002945 ngày 10/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị Trần Hồng N được nhận lại số tiền 150.000đồng.

Anh Nguyễn Văn L tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ (chưa nộp).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- UBND phường T S, thành phố P;
(giấy CNKH số 29; quyển số 01; ngày 01/6/2000);
- Các đương sự;
- Lưu VP. Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Ngô Thanh Quảng